

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HN-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Võ Thanh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 691/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 120/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Thanh T

+ Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P

+ Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị P tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L vào ngày 29/8/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bắt đầu từ quan điểm sống, nên bà P đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không liên lạc về gia đình, ông có tìm kiếm, hỏi thăm nhiều người về thông tin của bà P nhưng không có kết quả.

Năm 2018 ông có yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự và được Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với bà Nguyễn Thị P, theo Quyết định số 02/2018/QĐ-VDS, ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L. Sau đó, ông có đăng tin thông báo tìm kiếm bà P trên Đài tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh vào các ngày 09/5; 10/5 và 11/5/2018 và đăng 03 số liên tiếp trên báo C vào các ngày 09/5; 11/5 và 16/5/2018, nhưng vẫn không có tin tức gì về bà P.

Do tình cảm dành cho bà P không còn, nên ông T yêu cầu được ly hôn.

Ông T và bà P có một con chung tên Phan Thanh T, sinh năm 1997, đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được ông T làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên Đài tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và đăng trên báo C theo qui định nhưng vẫn không có tin tức của bà P. Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai, bà P vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Thanh T khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị P, bà P cư ngụ tại địa chỉ ấp M, xã M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng Nguyễn Thị P vẫn vắng mặt không có lý do, ông T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị P.

[2] Về hôn nhân: Ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2003, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo ông T trình bày, sau khi kết hôn ông và bà P sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống nên bà P bỏ nhà đi. Ông có đăng tin thông báo tìm kiếm bà P trên Đài tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và đăng trên báo C nhưng vẫn không có tin tức gì về bà P. Do tình cảm dành cho bà P không còn, nên ông T yêu cầu được ly hôn.

[3] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án bà P vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ

chung, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà P tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử động viên ông T tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị P, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Thanh T1, sinh năm 1997, đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày ông và bà P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Bà P không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Phan Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phan Thanh T1, sinh năm 1997, đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về án phí: Ông Phan Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009910, ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND xã M, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

